

BỘ Y TẾ

ĐỀ ÁN

**CHUYỂN ĐỔI SỐ TRONG CÔNG TÁC
TRUYỀN THÔNG VỀ DÂN SỐ ĐẾN NĂM 2030**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BYT ngày tháng năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Y tế)*

Hà Nội, tháng 9 năm 2026

MỤC LỤC

BỐI CẢNH VÀ SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN.....	3
I. Bối cảnh và sự cần thiết xây dựng Đề án	3
II. Căn cứ xây dựng Đề án	4
1. Cơ sở chính trị	4
2. Cơ sở pháp lý.....	5
3. Cơ sở thực tiễn	6
3.1. Kết quả sơ kết giai đoạn 2020-2025 tình hình thực hiện chỉ tiêu của Chương trình Truyền thông Dân số đến 2030.....	6
3.2. Thực trạng ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác truyền thông về dân số	7
3.2.1. Về thể chế, môi trường pháp lý.....	7
3.2.2. Tình hình ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác truyền thông về dân số	9
3.3. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân.....	11
NỘI DUNG ĐỀ ÁN	13
I. Quan điểm và phạm vi Đề án.....	13
1. Quan điểm	13
2. Phạm vi Đề án	13
2.1. Phạm vi thời gian	13
2.2. Phạm vi nội dung.....	13
II. Mục tiêu	13
1. Mục tiêu chung.....	13
2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030	14
III. Nhiệm vụ, giải pháp	14
1. Hoàn thiện cơ chế, chính sách, định hướng công tác truyền thông số và phối hợp liên ngành	14
2. Xây dựng, phát triển thư viện số truyền thông về dân số và giám sát nội dung, đo lường hiệu quả truyền thông về dân số trên nền tảng số.....	15
3. Đẩy mạnh truyền thông số đa nền tảng, đa phương tiện trong công tác truyền thông về dân số.....	16
4. Phát triển nguồn lực	17
IV. Kinh phí thực hiện.....	18
V. Tổ chức thực hiện	18
VI. Hiệu quả kinh tế - xã hội của Đề án	20

ĐỀ ÁN

Chuyển đổi số trong công tác truyền thông về dân số đến năm 2030

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-BYT ngày tháng năm 2026
của Bộ trưởng Bộ Y tế)*

Thực hiện Quyết định số 1745/QĐ-TTg ngày 15/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 149-KL/TW ngày 10/4/2025 của Bộ Chính trị; Kế hoạch số 36-KH/ĐU ngày 19/8/2025 của Đảng ủy Bộ Y tế thực hiện Kết luận số 149-KL/TW ngày 10/4/2025 của Bộ Chính trị, Bộ trưởng Bộ Y tế phê duyệt Đề án Chuyển đổi số trong công tác truyền thông về dân số đến năm 2030 với những nội dung sau:

Phần thứ nhất

BỐI CẢNH VÀ SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

I. Bối cảnh và sự cần thiết xây dựng Đề án

Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (cuộc cách mạng 4.0) mở ra nhiều cơ hội, đồng thời cũng đặt ra nhiều thách thức đối với mỗi quốc gia, tổ chức và cá nhân; đã và đang tác động ngày càng mạnh mẽ đến tất cả các lĩnh vực của đời sống kinh tế, xã hội Việt Nam. Cuộc cách mạng 4.0 sẽ kéo theo những thay đổi tất yếu trong hầu hết các lĩnh vực, trong đó có truyền thông. Những khái niệm về điện thoại thông minh, kết nối 4G, mạng xã hội, livestream, facetime, App... đã và đang trở thành xu thế tất yếu trong truyền thông. Xu thế này đã mở một cơ hội và cả thách thức đối với công tác truyền thông về dân số.

Chuyển đổi số là quá trình chuyển đổi phương thức hoạt động, quản trị và cung cấp dịch vụ dựa trên công nghệ số, dữ liệu số, hệ thống số, nền tảng số, quy trình số nhằm tạo ra giá trị mới, hiệu quả và minh bạch¹. Chuyển đổi số đang ngày một thay đổi nhận thức của những nhà quản lý, hoạch định chính sách, những người có khả năng quyết định hướng đi và khả năng chuyển đổi thành công của tổ chức. Chuyển đổi số là hướng đi, cách thức quản lý vận hành xã hội tất yếu của xã hội hiện nay.

Chuyển đổi số trong công tác truyền thông về dân số là quá trình chuyển đổi phương thức hoạt động, quản trị và cung cấp dịch vụ truyền thông về dân số từ truyền thông truyền thống (cung cấp tờ rơi, poster, áp phích, các sản phẩm truyền thông đăng tải trên báo giấy, báo hình và phát thanh; tài liệu và sản phẩm truyền thông truyền thống...) sang truyền thông trên nền tảng số.

Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác Dân số trong tình hình mới,

¹ Khoản 1, Điều 3 Luật Chuyển đổi số số 148/2025/QH15 ngày 11/12/2025.

yêu cầu cần tập trung truyền thông, vận động nhằm “*Thống nhất nhận thức của cả hệ thống chính trị và các tầng lớp nhân dân, tạo sự đồng thuận cao trong toàn xã hội về tiếp tục chuyển trọng tâm chính sách từ tập trung vào kế hoạch hóa gia đình sang giải quyết toàn diện các vấn đề quy mô, cơ cấu, phân bố và chất lượng dân số trong mối quan hệ hữu cơ với phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh*”.

Kết luận số 149-KL/TW ngày 10/4/2025 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết 21-NQ/TW đã chỉ rõ yêu cầu “*Đổi mới nội dung tuyên truyền, vận động về công tác dân số. Tận dụng lợi thế của truyền thông số, truyền thông xã hội với tiêu chí đa dạng về nội dung, phong phú về hình thức, sát với thực tiễn và phù hợp với từng đối tượng, từng vùng, miền để chuyển tải các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và kiến thức về dân số tới từng người dân nhằm nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi về dân số và phát triển*”.

Để triển khai thực hiện Kết luận số 149-KL/TW ngày 10/4/2025 của Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 1745/QĐ-TTg ngày 15/8/2025 ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 149-KL/TW ngày 10/4/2025 của Bộ Chính trị, trong đó giao Bộ trưởng Bộ Y tế quyết định phê duyệt Đề án Chuyển đổi số trong công tác truyền thông về dân số đến năm 2030.

Để triển khai có hiệu quả Luật Dân số, Luật Chuyển đổi số trong bối cảnh thực hiện chính quyền địa phương hai cấp, đòi hỏi phải đổi mới toàn diện công tác truyền thông về dân số, nhất là chuyển đổi số nhằm đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của công tác dân số trong tình hình mới.

Đề án được thiết kế ưu tiên tận dụng hạ tầng số, nền tảng số và các nguồn lực hiện có của Bộ Y tế, lồng ghép với các hoạt động của Chương trình mục tiêu quốc gia chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026-2035 và các chương trình, đề án về dân số, bảo đảm không trùng lặp, nâng cao hiệu quả đầu tư, bảo đảm tính khả thi và phát triển bền vững.

Do vậy, việc xây dựng Đề án là một việc làm cần thiết và hiệu quả, đáp ứng yêu cầu từ thực tiễn cho mỗi ngành, mỗi cấp và cho mỗi người dân.

II. Căn cứ xây dựng Đề án

1. Cơ sở chính trị

- Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới;

- Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới;

- Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư;

- Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia.
- Nghị quyết số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 của Bộ Chính trị về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân;
- Kết luận số 149-KL/TW ngày 10/4/2025 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết 21-NQ/TW năm 2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới;
- Kế hoạch số 36-KH/ĐU ngày 19/8/2025 của Đảng ủy Bộ Y tế thực hiện Kết luận số 149-KL/TW ngày 10/4/2025 của Bộ Chính trị.

2. Cơ sở pháp lý

- Luật Dân số số 113/2025/QH15;
- Luật Chuyển đổi số số 148/2025/QH15;
- Luật An ninh mạng số 116/2025/QH15;
- Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân số 91/2025/QH15;
- Nghị định số 168/2026/NĐ-CP ngày 15/5/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Dân số;
- Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư;
- Quyết định số 1679/QĐ-TTg ngày 22/11/2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Dân số đến năm 2030;
- Quyết định số 537/QĐ-TTg ngày 17/4/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Truyền thông Dân số đến năm 2030.
- Quyết định số 1745/QĐ-TTg ngày 15/8/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 149-KL/TW ngày 10/4/2025 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới.
- Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030;
- Quyết định số 3516/QĐ-BYT ngày 12/11/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Chiến lược chuyển đổi số của Bộ Y tế giai đoạn 2025-2030;
- Kế hoạch số 330/KH-BYT ngày 26/2/2026 của Bộ Y tế về Kế hoạch xây dựng Đề án chuyển đổi số trong công tác truyền thông dân số đến năm 2030.

3. Cơ sở thực tiễn

3.1. Kết quả sơ kết giai đoạn 2020-2025 tình hình thực hiện chỉ tiêu của Chương trình Truyền thông Dân số đến 2030

Theo báo cáo của các tỉnh, thành phố, kết quả thực hiện chỉ tiêu đến 2025 theo Quyết định số 2235/QĐ-BYT ngày 29/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Chương trình Truyền thông dân số đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định 537/QĐ-TTg ngày 17/4/2020 (Chương trình 537), cụ thể như sau:

a) Chỉ tiêu chung: 99,5% tổ chức Đảng, chính quyền, cơ quan, ban, ngành, đoàn thể các cấp được phổ biến, cập nhật thông tin về chương trình dân số và phát triển, coi đây là nhiệm vụ chính trị quan trọng của mỗi tổ chức và đảng viên quán triệt các nghị quyết của Đảng, pháp luật của nhà nước về công tác dân số (chỉ tiêu là 100%).

b) Chỉ tiêu 1 Chương trình 537

Theo báo cáo của các tỉnh, thành phố, kết quả thực hiện chỉ tiêu đến 2025 là 83,3%² các cặp vợ chồng, nam, nữ trong độ tuổi sinh đẻ được cung cấp thông tin về cuộc vận động mỗi cặp vợ chồng nên sinh đủ hai con; quyền và trách nhiệm trong việc sinh con và nuôi dạy con tốt; hệ lụy của mức sinh thấp; lợi ích của việc thực hiện các biện pháp tránh thai góp phần thực hiện thành công cuộc vận động mỗi cặp vợ chồng nên có hai con, duy trì vững chắc mức sinh thay thế, không đạt chỉ tiêu 90% đến năm 2025. Dự kiến đạt chỉ tiêu vào năm 2030.

c) Chỉ tiêu 2 Chương trình 537

+ 02 chỉ tiêu đạt bao gồm: 85,2% các cặp vợ chồng, nam, nữ trong độ tuổi sinh đẻ, ông bà, cha mẹ được cung cấp thông tin về tình hình, nguyên nhân, hậu quả của mất cân bằng giới tính khi sinh (chỉ tiêu đến 2025 là 85%); 97,6% các cơ quan truyền thông đại chúng ở Trung ương và địa phương thường xuyên tuyên truyền về giá trị của trẻ em gái, vị thế của phụ nữ và bình đẳng giới (chỉ tiêu đến 2025 là 95%).

+ 01 chỉ tiêu không đạt: tỷ lệ vị thành niên, thanh niên, nam, nữ sắp kết hôn được cung cấp đầy đủ kiến thức về các hành vi vi phạm pháp luật về lựa chọn giới tính thai nhi là 83,3% (chỉ tiêu đến 2025 là 90%). Dự kiến khó đạt chỉ tiêu vào năm 2030.

d) Chỉ tiêu 3 Chương trình 537

+ 02 chỉ tiêu đạt yêu cầu đề ra đến năm 2025: 86,6% phụ nữ độ tuổi sinh đẻ được cung cấp thông tin về lợi ích của tầm soát, chẩn đoán, điều trị bệnh tật trước sinh, sơ sinh (chỉ tiêu 85%); 86,8% cha mẹ có con trong độ tuổi vị thành niên, thanh niên tại các vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn được cung cấp các thông tin về hậu quả của tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống tiến tới đẩy lùi tình trạng này

² Báo cáo của các tỉnh, thành phố tháng 3/2026.

góp phần nâng cao chất lượng dân số (chỉ tiêu 85%).

+ 01 chỉ tiêu không đạt: tỷ lệ nam, nữ thanh niên, phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ được cung cấp thông tin về lợi ích của việc tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn, hậu quả của tảo hôn, hôn nhân cận huyết thống, lợi ích của tầm soát, chẩn đoán, điều trị sớm bệnh tật trước sinh, sơ sinh 88,6%³, chưa đạt chỉ tiêu 90%. Dự kiến phấn đấu đạt chỉ tiêu vào năm 2030.

đ) Chỉ tiêu 4 Chương trình 537

+ Chỉ tiêu đạt: 85,9% vị thành niên, thanh niên được cung cấp, cập nhật kiến thức về dân số, sức khỏe sinh sản/kế hoạch hóa gia đình như các biện pháp tránh thai, tác hại của phá thai, mang thai ngoài ý muốn (chỉ tiêu 85%).

+ Chỉ tiêu không đạt: tỷ lệ các cơ sở giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân tiếp tục thực hiện tuyên truyền về dân số, sức khỏe sinh sản/kế hoạch hóa gia đình thông qua việc lồng ghép các nội dung vào các môn học chính khóa và ngoài giờ lên lớp phù hợp với cấp học, trình độ đào tạo 84,7%⁴, không đạt chỉ tiêu 90%. Dự kiến phấn đấu đạt chỉ tiêu vào năm 2030.

e) Chỉ tiêu 5 Chương trình 537

Theo báo cáo của các tỉnh, thành phố, kết quả thực hiện chỉ tiêu đến 2025 là 80,7%⁵, đạt chỉ tiêu 75% người cao tuổi hoặc người thân trực tiếp chăm sóc người cao tuổi được cung cấp kiến thức về các biện pháp chăm sóc sức khỏe phù hợp, biết cách tự xử lý bước đầu một số bệnh thường gặp ở người cao tuổi, kiến thức về chế độ dinh dưỡng, chế độ luyện tập phù hợp, lợi ích của việc khám sức khỏe định kỳ góp phần phát huy vai trò của phong trào hỗ trợ, chăm sóc nâng cao sức khỏe người cao tuổi. Dự kiến đạt chỉ tiêu vào năm 2030.

- Đến năm 2025, 70% người cao tuổi cả nước được khám sức khỏe định kỳ ít nhất 1 lần/năm; tỷ lệ người cao tuổi được lập hồ sơ theo dõi sức khỏe là 80,2%; tỷ lệ người cao tuổi trên cả nước được phát hiện, điều trị, quản lý các bệnh không lây nhiễm là 64,7%; cả nước có 69,5% người cao tuổi có khả năng tự chăm sóc được cung cấp kiến thức, kỹ năng tự chăm sóc sức khỏe; 97,3% người cao tuổi không có khả năng tự chăm sóc, được chăm sóc sức khỏe bởi gia đình, cộng đồng. Tỷ lệ người cao tuổi được cấp thẻ bảo hiểm y tế hiện nay đạt trên 95%.

3.2. *Thực trạng ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác truyền thông về dân số*

3.2.1. *Về thể chế, môi trường pháp lý*

Ngày 27/9/2019, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 52-NQ/TW về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, nhấn

³ Báo cáo của tỉnh, thành phố tháng 3/2026.

⁴ Báo cáo các tỉnh, thành phố tháng 3/2026.

⁵ Báo cáo các tỉnh, thành phố tháng 3/2026.

mạnh mục tiêu phải “*Cơ bản hoàn thành chuyển đổi số trong các cơ quan đảng, nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị-xã hội*”.

Ngày 22/12/2024 Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 57-NQ/TW về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia, đã xác định mục tiêu “*Quản lý nhà nước từ Trung ương đến địa phương trên môi trường số, kết nối và vận hành thông suốt giữa các cơ quan trong hệ thống chính trị. Hoàn thành xây dựng, kết nối, chia sẻ đồng bộ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu các ngành; khai thác và sử dụng có hiệu quả tài nguyên số, dữ liệu số, hình thành sản phẩm dịch vụ dữ liệu. Phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, công dân số, công nghiệp văn hoá số đạt mức cao của thế giới. Việt Nam thuộc nhóm các nước dẫn đầu về an toàn, an ninh không gian mạng, an ninh dữ liệu và bảo vệ dữ liệu*”.

Chiến lược Dân số Việt Nam đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1679/QĐ-TTg ngày 22/11/2019 nêu rõ “*Tận dụng triệt để thế mạnh của công nghệ truyền thông hiện đại, internet, mạng xã hội... trong truyền thông, giáo dục về dân số*”.

Bên cạnh đó, đời sống nhân dân ngày càng được cải thiện, nhu cầu tư vấn và cung cấp dịch vụ dân số ngày càng cao, đa dạng, chất lượng cao, nhanh chóng, an toàn và sự thuận tiện. Sử dụng Internet đáp ứng được tốc độ, phạm vi lan truyền nhanh, cao, đối tượng đa dạng, khả năng liên kết lớn, chi phí thấp và khả năng tương tác lớn.

Ngày 03/6/2020, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 749/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, trong đó đề ra các nhiệm vụ, giải pháp tạo nền móng chuyển đổi số, gồm: (1) *Chuyển đổi nhận thức, kiến tạo thể chế*; (2) *phát triển hạ tầng số*; (3) *phát triển nền tảng số*; *tạo lập niềm tin, bảo đảm an toàn, an ninh mạng*; (4) *hợp tác quốc tế, nghiên cứu, phát triển và đổi mới sáng tạo trong môi trường số*.

Kết luận số 149-KL/TW ngày 10/4/2025 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, yêu cầu “*Đổi mới nội dung tuyên truyền, vận động về công tác dân số. Tận dụng lợi thế của truyền thông số, truyền thông xã hội với tiêu chí đa dạng về nội dung, phong phú về hình thức, sát với thực tiễn và phù hợp với từng đối tượng, từng vùng, miền để chuyển tải các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và kiến thức về dân số tới từng người dân nhằm nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi về dân số và phát triển*”.

Thực hiện Kết luận số 149-KL/TW ngày 10/4/2025 của Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ có Quyết định số 1745/QĐ-TTg ngày 15/8/2025 ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 149-KL/TW, trong đó giao Bộ Y tế xây dựng và quyết định phê duyệt Đề án Chuyển đổi số trong công tác truyền thông về dân số đến năm 2030.

Ngày 19/8/2025, Đảng ủy Bộ Y tế ban hành Kế hoạch số 36-KH/ĐU thực hiện Kết luận số 149-KL/TW ngày 10/4/2025 của Bộ Chính trị. Ngày 26/2/2026, Bộ Y tế ban hành Kế hoạch số 330/KH-BYT về Kế hoạch xây dựng Đề án chuyển đổi số trong công tác truyền thông dân số đến năm 2030.

3.2.2. Tình hình ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác truyền thông về dân số

a) Tình hình chung

Đổi mới nội dung, phương thức truyền thông về dân số, áp dụng sáng tạo công nghệ số, vận dụng sức mạnh của truyền thông xã hội để lan tỏa nhanh hơn, rộng hơn đến tất cả các nhóm đối tượng, vùng miền trên cả nước. Xây dựng, phát triển nền tảng truyền thông số trên các trang, các kênh, mạng xã hội, duy trì và cung cấp thông tin thường xuyên trên trang mạng của trung ương, các tỉnh, thành phố và xã, phường, đặc khu. Trang Fanpage Facebook Truyền thông Dân số Việt Nam có trên 25 nghìn người theo dõi, trung bình 1,2 triệu lượt xem 1 tháng. Hiện có trên 300 trang facebook của các tỉnh, thành phố chia sẻ thông tin về công tác dân số với tổng số trên 260 nghìn người theo dõi. Kênh TikTok có trên 6.500 tài khoản theo dõi với hơn 49 nghìn lượt thích, tối đa 87 nghìn lượt xem/clip. Kênh YouTube trung ương với 1.500 người quan tâm và tối đa 1.400 lượt hiển thị/bài viết...

b) Tình hình ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số tại tuyến tỉnh

Tổng hợp từ báo cáo của các địa phương tháng 4/2026 có 03/34 tỉnh, thành phố đã ban hành kế hoạch/đề án liên quan đến chuyển đổi số truyền thông về dân số là Thành phố Hồ Chí Minh, Quảng Trị và Sơn La; 32/34 tỉnh, thành phố đánh giá mức độ lồng ghép chuyển đổi số vào truyền thông về dân số là có nhưng chưa đầy đủ; 06/34 tỉnh có bố trí kinh phí riêng cho hoạt động chuyển đổi số; 31/34 tỉnh, thành phố báo cáo đầy đủ và cơ bản hạ tầng công nghệ thông tin (máy tính kết nối internet) phục vụ công tác truyền thông về dân số; 08/34 tỉnh, thành phố đang vận hành phần mềm ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong quản trị, điều hành. Hầu hết các tỉnh, thành phố đang ứng dụng các nền tảng/kênh truyền thông số như website, facebook, zalo...; 03/34 tỉnh, thành phố có hệ thống quản lý nội dung (CMS - Content Management System) là Đà Nẵng, Ninh Bình, Nghệ An.

Hầu hết các địa phương chưa đo lường được chỉ số đánh giá hiệu quả công việc, tương tác (KPIs - Key Performance Indicator); 20/34 tỉnh, thành phố có bộ trí cán bộ làm công tác truyền thông số, tuy nhiên hầu hết đều đánh giá trình độ kỹ năng số ở mức trung bình. Hầu hết các địa phương chưa có hệ thống dữ liệu phục vụ truyền thông về dân số nhưng có triển khai phổ biến các sản phẩm truyền thông số như Video clip, Infographic, bài viết số; có 04 tỉnh, thành phố triển khai podcast; 06/34 tỉnh, thành phố sản xuất nội dung số hằng tuần, 08/34 sản xuất nội dung số hằng tháng và 20/34 sản xuất nội dung số không thường xuyên.

Tuy đạt một số kết quả như trên, các tỉnh, thành phố báo cáo còn nhiều vướng mắc, khó khăn, đó là nhận thức về chuyển đổi số ở nhiều nơi còn hạn chế, nhân lực có trình độ kỹ năng số còn thiếu và chưa đáp ứng được yêu cầu đổi mới, công nghệ và nền tảng số thiếu và yếu, dữ liệu số chưa được thiết lập và chuẩn hóa trên môi trường số. Do vậy cần phải xây dựng và triển khai đồng bộ các giải pháp để từng bước chuyển đổi số trong công tác truyền thông về dân số.

c) Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số tại tuyến xã/phường

Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác truyền thông về dân số của Trạm Y tế xã, phường, đặc khu cho thấy đã có nhiều chuyển biến trong thời gian qua.

Trong số 3.321 xã, phường, đặc khu trong cả nước có 76,5% số trạm y tế có sử dụng kênh số để truyền thông về dân số; 92,6% sử dụng Zalo nhóm; 7,2% sử dụng website; 80,4% sử dụng Facebook; 3,0% sử dụng Youtube; 7,6% số trạm y tế xã, phường, đặc khu sử dụng TikTok. Về thiết bị phục vụ truyền thông về dân số tại trạm y tế xã, phường, đặc khu 93,1% có máy tính kết nối internet, 84,9% có sử dụng điện thoại thông minh, 85,6% có internet ổn định.

Về nội dung truyền thông về dân số, có 82,4% số trạm y tế xã, phường, đặc khu thường xuyên truyền thông số các vấn đề về mức sinh; 87,7% thường xuyên truyền thông số về mất cân bằng giới tính khi sinh; 81,7% thường xuyên truyền thông số về già hóa dân số; 86,8% số trạm y tế xã, phường, đặc khu thường xuyên truyền thông số về nâng cao chất lượng dân số.

Tổng hợp báo cáo của các tỉnh, thành phố tháng 4/2026, toàn quốc có khoảng trên 10 ngàn người làm công tác dân số tại trạm y tế xã, phường, đặc khu. Trong đó 97,4% người làm công tác dân số ở trạm y tế xã, phường, đặc khu sử dụng điện thoại thông minh.

Tuy nhiên, có 45,5% số đơn vị không có cán bộ biết tạo nội dung số; toàn quốc có khoảng 130 ngàn cộng tác viên dân số tại cộng đồng, trong đó 90,5% cộng tác viên dân số sử dụng điện thoại thông minh. Đây là lực lượng đóng vai trò hết sức quan trọng ở tuyến cơ sở, gần dân nhất, nhiệt tình tham gia truyền thông, vận động người dân thực hiện công tác dân số.

Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác truyền thông về dân số của lực lượng cộng tác viên dân số đã có những bước tiến rất tích cực. Trong đó, 93,7% số đơn vị xã, phường có cộng tác viên dân số sử dụng Zalo nhóm; 9,5% đơn vị có cộng tác viên sử dụng website; 70,4% đơn vị sử dụng Facebook; 7,3% số đơn vị có cộng tác viên dân số sử dụng Youtube; 10,9% số đơn vị có cộng tác viên dân số sử dụng TikTok.

Tỷ lệ người dân tại địa phương tiếp cận thông tin dân số qua các nguồn: 87,5% qua mạng xã hội; 91,6% qua loa phát thanh; 86,7% qua truyền thông trực tiếp. Đánh giá hiệu quả về mức độ tiếp cận thông tin dân số của người dân:

17,8% cao; 75,1% trung bình; 6,6% hiệu quả thấp (Báo cáo của các tỉnh, thành phố tháng 4/2026).

3.3. *Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân*

3.3.1. *Tồn tại, hạn chế*

Trong thời gian qua, việc ứng dụng công nghệ thông tin và từng bước triển khai chuyển đổi số trong công tác truyền thông về dân số đã đạt được một số kết quả nhất định. Tuy nhiên, thực tiễn cho thấy vẫn còn nhiều tồn tại, hạn chế, cụ thể:

- *Hạ tầng kỹ thuật và nền tảng số chưa đồng bộ, thiếu liên thông*: Hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin giữa trung ương và địa phương chưa được đầu tư đồng đều; còn tình trạng phân tán, cục bộ; thiếu các nền tảng số dùng chung phục vụ truyền thông về dân số; các hệ thống hiện có chưa kết nối, chia sẻ dữ liệu hiệu quả; khả năng tích hợp với các nền tảng số, hệ sinh thái số (y tế, giáo dục, truyền thông) còn hạn chế.

- *Dữ liệu truyền thông về dân số còn phân tán, thiếu chuẩn hóa và chưa khai thác hiệu quả*: Dữ liệu liên quan đến đối tượng truyền thông, hành vi, nhu cầu thông tin còn rời rạc, chưa được số hóa đầy đủ; thiếu cơ sở dữ liệu tập trung, thống nhất phục vụ truyền thông cá thể hóa; chưa hình thành các công cụ phân tích dữ liệu lớn (Big Data), trí tuệ nhân tạo (AI) để hỗ trợ xây dựng thông điệp và đánh giá hiệu quả truyền thông.

- *Nội dung và phương thức truyền thông số còn đơn điệu, chậm đổi mới, thiếu tính cá nhân hóa*: Nội dung truyền thông số chưa thực sự đa dạng, hấp dẫn, chưa phù hợp với từng nhóm đối tượng, đặc biệt là giới trẻ; việc khai thác các loại hình truyền thông mới như podcast, video ngắn, mạng xã hội còn manh mún, thiếu chiến lược tổng thể; chưa tận dụng tốt các nền tảng số phổ biến để lan tỏa thông tin (mạng xã hội, ứng dụng di động...).

- *Hiệu quả tiếp cận và mức độ thụ hưởng thông tin của người dân chưa cao*, chưa có sự đồng đều giữa các vùng miền, đặc biệt là khu vực nông thôn, miền núi.

- *Năng lực số của đội ngũ làm công tác truyền thông về dân số còn hạn chế*: Đội ngũ người làm công tác truyền thông chủ yếu được đào tạo theo phương thức truyền thống, chưa được trang bị đầy đủ kỹ năng số (quản trị nền tảng, phân tích dữ liệu, sản xuất nội dung số...); thiếu nhân lực chuyên sâu về công nghệ, truyền thông số, thiết kế sáng tạo; chưa hình thành các mô hình chuyên trách về truyền thông số trong công tác dân số.

- *Cơ chế, chính sách chưa đáp ứng nhu cầu thực tiễn*: Định mức chi cho các hoạt động truyền thông số (sản xuất nội dung số, vận hành nền tảng, thuê dịch vụ công nghệ...) chưa rõ ràng, gây khó khăn trong lập dự toán và triển khai; trong bối cảnh công nghệ thông tin phát triển và xu hướng sử dụng ngày càng nhiều các nền tảng số, cùng với đó xuất hiện nhiều tin độc, tin xấu, tin giả,

thông tin sai lệch trên môi trường số nhưng chưa có biện pháp kiểm soát hiệu quả; cơ chế đặt hàng, thuê dịch vụ công nghệ thông tin, truyền thông số còn nhiều vướng mắc.

- *Công tác đo lường, đánh giá hiệu quả truyền thông chưa hiện đại:* Chủ yếu vẫn sử dụng các phương pháp đánh giá truyền thông, chưa áp dụng rộng rãi các chỉ số đo lường số (digital metrics); thiếu hệ thống theo dõi, giám sát, phân tích hành vi người dùng theo thời gian thực; chưa gắn kết chặt chẽ giữa dữ liệu truyền thông với kết quả thay đổi nhận thức, hành vi của người dân.

3.3.2. Nguyên nhân

a) Nguyên nhân chủ quan

Nhận thức về vai trò của chuyển đổi số trong truyền thông về dân số ở một số cấp, đơn vị chưa đầy đủ; chưa coi đây là nhiệm vụ trọng tâm. Thiếu chiến lược tổng thể và lộ trình rõ ràng cho chuyển đổi số trong truyền thông về dân số; việc triển khai còn rời rạc, thiếu tính hệ thống.

Công tác chỉ đạo, điều phối, phối hợp giữa các đơn vị liên quan chưa chặt chẽ. Đầu tư còn dàn trải, chưa tập trung vào các nền tảng cốt lõi và dữ liệu. Chưa có cơ chế thu hút nguồn lực xã hội hóa, hợp tác công - tư trong phát triển nội dung và nền tảng truyền thông số. Công tác đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực số chưa được quan tâm đúng mức; thiếu chương trình đào tạo bài bản, liên tục.

b) Nguyên nhân khách quan

Chuyển đổi số là lĩnh vực mới, có tính liên ngành cao, trong khi công tác dân số vốn quen với phương thức truyền thống nên cần thời gian thích ứng. Nguồn lực đầu tư từ ngân sách nhà nước còn hạn chế, phải phân bổ cho nhiều lĩnh vực ưu tiên khác.

Hạ tầng số, dữ liệu truyền thông dân số còn phân tán, chưa được chuẩn hóa, sự phát triển nhanh của công nghệ (AI, Big Data, nền tảng số) nhưng cơ quan quản lý chưa theo kịp thực tiễn; các quy định về tiêu chuẩn kỹ thuật, cơ chế liên thông dữ liệu và tổ chức thực hiện vẫn chưa đồng bộ.

Phần thứ hai

NỘI DUNG ĐỀ ÁN

I. Quan điểm và phạm vi Đề án

1. Quan điểm

- Chuyển đổi số là nhiệm vụ trọng tâm, cấp thiết, ưu tiên tiếp cận, kế thừa và phát huy hiệu quả các ứng dụng, kênh truyền thông số sẵn có của ngành Y tế, dân số, cơ quan nhà nước và các nền tảng phổ biến hiện nay, truyền thông số không thay thế mà bổ trợ, tích hợp với truyền thông trực tiếp tại cộng đồng, nhất là tuyến cơ sở.

- Ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong truyền thông về dân số là đổi mới phương thức truyền thông, lấy người dân làm trung tâm, lấy tuyến cơ sở làm nền tảng triển khai. Truyền thông số chuyển từ phương thức đại trà sang truyền thông có phân tích dữ liệu, hướng tới cá thể hóa và đúng đối tượng. Đảm bảo nguyên tắc dữ liệu là nền tảng, nội dung là cốt lõi, con người là quyết định, hiệu quả là thước đo.

- Thực hiện chuyển đổi số theo hướng đơn giản, thiết thực, dễ áp dụng, phù hợp với năng lực của đội ngũ làm công tác dân số tại thôn, bản, xã; không đầu tư dàn trải hạ tầng công nghệ, chú trọng các nhóm đối tượng vùng sâu, vùng xa, đồng bào dân tộc thiểu số. Tăng cường sử dụng nền tảng số sẵn có, thuê dịch vụ, xã hội hóa, tránh đầu tư trùng lặp, lãng phí.

2. Phạm vi Đề án

2.1. Phạm vi thời gian

- Giai đoạn 2026-2028: Xây dựng, hoàn thiện tài liệu hướng dẫn, cơ sở dữ liệu; triển khai mô hình chuyển đổi số trong công tác truyền thông về dân số tại một số địa phương. Đánh giá sơ kết thực hiện Đề án, đề xuất điều chỉnh Đề án (nếu có).

- Giai đoạn 2029-2030: Triển khai đồng bộ trên phạm vi toàn quốc.

2.2. Phạm vi nội dung

Ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng truyền thông số, truyền thông xã hội trong công tác truyền thông về dân số thống nhất trên phạm vi toàn quốc.

II. Mục tiêu

1. Mục tiêu chung

Chuyển đổi phương thức hoạt động, quản trị và cung cấp dịch vụ truyền thông về dân số dựa trên môi trường số nhằm chuyển tải các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và kiến thức về dân số tới từng người dân để nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi về dân số và phát triển, góp phần thực hiện các mục tiêu của Chương trình Truyền thông dân số đến năm 2030 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

- 60% cơ quan, tổ chức, cộng đồng, cá nhân được tiếp cận thông tin, cập nhật kiến thức về dân số trên nền tảng số.
- 100% xã, phường, đặc khu triển khai Đề án Chuyển đổi số trong công tác truyền thông về dân số.
- 90% tài liệu, sản phẩm truyền thông về dân số được số hóa và cập nhật trên cơ sở dữ liệu truyền thông số dùng chung.
- 95% cán bộ làm công tác dân số cấp xã được tập huấn nâng cao năng lực thực hiện truyền thông số, truyền thông xã hội.
- Hằng năm, ít nhất 75% số báo cáo viên, tuyên truyền viên của các ban, ngành, đoàn thể các cấp được cập nhật, bổ sung nâng cao kiến thức, kỹ năng về chuyển đổi số trong công tác truyền thông về dân số; 25% cộng tác viên dân số ở thôn, bản, tổ dân phố được tập huấn nâng cao kiến thức, kỹ năng chuyển đổi số trong công tác truyền thông về dân số tại cộng đồng.

III. Nhiệm vụ, giải pháp

1. Xây dựng định hướng, chuẩn hóa nội dung truyền thông số, phối hợp liên ngành trong công tác truyền thông về dân số

1.1. Xây dựng hướng dẫn về chuyển đổi số trong công tác truyền thông về dân số

Xây dựng và phổ biến hướng dẫn của Bộ Y tế về chuyển đổi số trong công tác truyền thông về dân số (trình tự, quy trình và phương thức tổ chức thực hiện).

1.2. Xây dựng bộ tài liệu định hướng truyền thông số trong công tác dân số về các nội dung, chính sách dân số trong tình hình mới

- Đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác dân số.
- Vai trò của cá nhân, cặp vợ chồng trong việc sinh con để bảo đảm phát triển bền vững đất nước và hạnh phúc của người dân.
- Quyền và nghĩa vụ của cá nhân, gia đình, người sử dụng lao động; lợi ích của cộng đồng, xã hội và quốc gia trong thực hiện công tác dân số.
- Ưu tiên truyền thông, vận động, giáo dục về các nội dung sau đây:
 - + Khuyến khích kết hôn, sinh con để duy trì mức sinh thay thế; giảm thiểu tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống;
 - + Giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh, hệ lụy của việc mất cân bằng giới tính khi sinh;
 - + Thích ứng với già hoá dân số, chuẩn bị cho tuổi già ngay từ khi còn trẻ;
 - + Khuyến khích người dân chăm sóc sức khỏe phù hợp với từng nhóm đối tượng; chủ động tiếp cận dịch vụ tư vấn và khám sức khỏe trước khi kết hôn; sàng lọc, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh; dự phòng vô sinh, điều trị vô sinh;

+ Thúc đẩy xóa bỏ định kiến giới, nâng cao vai trò của phụ nữ và trẻ em gái trong gia đình và cộng đồng.

- Đưa nội dung dân số vào chương trình giáo dục phù hợp với từng cấp học.

1.3. Xây dựng các tài liệu truyền thông số về dân số để phân phối nội dung phù hợp với từng nhóm đối tượng; đảm bảo nội dung ngắn gọn, trực quan, dễ hiểu, phù hợp từng nhóm đối tượng, đặc biệt là giới trẻ; thu thập phản hồi để điều chỉnh nội dung chuyên biệt cho từng nhóm đối tượng.

- Chú trọng xây dựng các tài liệu, sản phẩm truyền thông số phù hợp với đồng bào dân tộc thiểu số, vùng miền núi, vùng đặc biệt khó khăn; tăng cường sản xuất nội dung bằng tiếng dân tộc; ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong xây dựng các sản phẩm truyền thông phù hợp với đặc điểm văn hóa, phong tục, tập quán của từng vùng, từng nhóm đối tượng: người chưa thành niên; người trong độ tuổi sinh sản; người cao tuổi; người di cư, người khuyết tật, người có nguy cơ mắc bệnh truyền nhiễm; người dân tộc thiểu số, đặc biệt là người dân tộc thiểu số rất ít người; người sử dụng lao động.

- Hướng dẫn và phổ biến bộ tài liệu, sản phẩm truyền thông về dân số trên nền tảng số sử dụng thống nhất trên phạm vi cả nước.

1.4. Phối hợp liên ngành, cung cấp thông tin dân số thông qua môi trường số

Sản xuất tin, bài, ảnh và các sản phẩm truyền thông số về dân số định kỳ hằng quý để cung cấp thông tin về dân số và phát triển trên các cổng/trang thông tin điện tử, website, mạng xã hội, ứng dụng di động của các ban, bộ, ngành, đoàn thể, các tổ chức chính trị - xã hội để lan tỏa, nhân rộng các sản phẩm truyền thông về dân số tới đông đảo quần chúng nhân dân.

1.5. Nghiên cứu, khảo sát về ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong công tác truyền thông về dân số

- Đánh giá tính hiệu quả của các ứng dụng; khảo sát hành vi tiếp cận phương tiện công nghệ và tỷ lệ người dân sử dụng công nghệ để đánh giá khách quan phát triển phương tiện truyền thông.

- Đánh giá tình hình thực hiện giai đoạn 2026-2028 để đề xuất điều chỉnh, bổ sung nội dung cho giai đoạn 2029-2030.

- Điều tra kiến thức, thái độ, hành vi (KAP - Knowledge, Attitude, and Practice) về dân số và phát triển vào năm 2030⁶.

2. Xây dựng, phát triển thư viện số truyền thông về dân số và giám sát nội dung, đo lường hiệu quả truyền thông về dân số trên nền tảng số

2.1. Xây dựng và phát triển thư viện số truyền thông về dân số

⁶ Thực hiện lồng ghép trong Chương trình mục tiêu quốc gia chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026-2035

- Thu thập, số hóa, chuẩn hóa, phân loại, gắn nhãn, cập nhật và quản lý tập trung tài nguyên truyền thông từ trung ương đến địa phương.

- Xây dựng danh mục dữ liệu, tiêu chuẩn dữ liệu, quy trình tạo lập, quản lý, khai thác, chia sẻ và tái sử dụng các tài liệu, hình ảnh, video, âm thanh, đồ họa, infographic, podcast, TVC, phim ngắn, sản phẩm truyền thông số và các tư liệu truyền thông khác phục vụ công tác dân số.

- Thiết lập quy trình quản lý, cập nhật và khai thác thư viện số truyền thông về dân số.

- Từng bước ứng dụng công nghệ tìm kiếm thông minh, nhận diện nội dung và quản lý tài nguyên số nhằm nâng cao hiệu quả khai thác, sản xuất và tái sử dụng sản phẩm truyền thông.

- Bảo đảm vận hành ổn định thư viện số trên hạ tầng lưu trữ kết hợp giữa hệ thống lưu trữ trực tiếp và lưu trữ đám mây; thực hiện sao lưu, đồng bộ, phục hồi dữ liệu và bảo đảm an toàn, an ninh thông tin theo quy định của pháp luật.

2.2. Xây dựng ứng dụng tư vấn và truyền thông về dân số để tích hợp vào ứng dụng sẵn có của Bộ Y tế và Cục Dân số dành cho cộng tác viên dân số sử dụng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ tại cơ sở. Ứng dụng được thiết kế phù hợp với đặc điểm của đội ngũ cộng tác viên dân số.

2.3. Giám sát nội dung, đo lường hiệu quả truyền thông về dân số trên nền tảng số

- Triển khai hệ thống giám sát thông tin truyền thông về dân số trên internet và mạng xã hội nhằm phát hiện, theo dõi tin giả, tin sai sự thật, thông tin tiêu cực hoặc xuyên tạc về chính sách dân số.

- Ứng dụng công nghệ thông tin để thu thập, tổng hợp và phân tích xu hướng dư luận về công tác dân số.

- Xây dựng bộ chỉ số đo lường hiệu quả truyền thông số phục vụ công tác quản lý, điều hành và ra quyết định.

- Triển khai các hoạt động phản hồi nhanh, lan tỏa thông tin tích cực; từng bước hình thành cơ chế cảnh báo sớm, xử lý thông tin sai lệch và định hướng dư luận xã hội trên môi trường số.

3. Đẩy mạnh truyền thông số đa nền tảng, đa phương tiện trong công tác truyền thông về dân số

3.1. Xây dựng hệ sinh thái truyền thông về dân số

- Xây dựng và phát triển kênh truyền thông của Cục Dân số trên nền tảng số Fanpage facebook được xác thực tích xanh.

- Tổ chức hoạt động truyền thông số đa nền tảng, đa phương tiện, bảo đảm đồng bộ giữa Trang thông tin điện tử, Facebook, Zalo, YouTube, TikTok và các nền tảng số khác.

3.2. Cung cấp các sản phẩm truyền thông về dân số để phổ biến trên nền tảng số và truyền thông trên mạng xã hội như thông điệp truyền hình (TVC), tọa đàm, phóng sự, phát thanh số (podcast), tư vấn trực tuyến, thông điệp phát thanh (radio spot); infographic, đồ họa chuyển động; livestream; phim/sitcom.

3.3. Ứng dụng trí tuệ nhân tạo AI trong sản xuất nội dung truyền thông số phù hợp với từng nhóm đối tượng truyền thông, vận động, giáo dục về dân số theo nguyên tắc sử dụng AI an toàn, có trách nhiệm và có sự kiểm soát của con người.

3.4. Tổ chức các cuộc thi sáng tác tranh, kịch bản, ca khúc, thơ ca, hò vè, triển lãm ảnh... về các nội dung của công tác dân số trên Internet

3.5. Phối hợp với các trường trung học, cao đẳng, đại học tổ chức truyền thông về dân số trên nền tảng số; tổ chức đa dạng các cuộc thi; lồng ghép trong bài giảng hoặc ngoại khóa... nhằm khuyến khích học sinh, sinh viên tìm hiểu các thông tin, kiến thức dân số.

Hàng năm, tổ chức chiến dịch truyền thông về dân số trên môi trường số phù hợp nhóm đối tượng, thông điệp và kênh triển khai; phù hợp từng nền tảng và nâng cao tính tương tác với người dân.

3.6. Tăng cường phối hợp với các cơ quan phát thanh, truyền hình, báo điện tử để tuyên truyền, phổ biến các nội dung số phù hợp với từng nhóm đối tượng truyền thông, vận động, giáo dục về dân số, nhất là người cao tuổi, đồng bào dân tộc thiểu số và người hạn chế trong tiếp cận công nghệ số, phù hợp với đặc điểm văn hóa, vùng miền nhằm nâng cao hiệu quả truyền thông. Phối hợp với Đài Truyền hình Việt Nam tổ chức thực hiện chuyên mục, tuyến nội dung và chiến dịch truyền thông về dân số trên nền tảng số của Đài Truyền hình Việt Nam.

3.7. Tăng cường kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống dữ liệu liên quan trong lĩnh vực y tế, đảm bảo an toàn thông tin mạng và bảo mật dữ liệu cá nhân theo quy định của pháp luật, nhất là người chưa thành niên và các nhóm dễ bị tổn thương; tối ưu hóa phân nhóm đối tượng truyền thông.

4. Phát triển nguồn lực

4.1. Đầu tư cơ sở vật chất

- Rà soát, đánh giá thực trạng thiết bị truyền thông trong hệ thống dân số các cấp và nhu cầu chuyển đổi số về tài liệu truyền thông về dân số để làm cơ sở đầu tư theo quy định.

- Duy trì và củng cố cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin.

4.2. Phát triển nguồn nhân lực

- Tập huấn báo cáo viên, giảng viên tuyến tỉnh về chuyển đổi số truyền thông về dân số.

- Tập huấn, hướng dẫn triển khai các hoạt động truyền thông áp dụng chuyển đổi số cho cán bộ dân số và cộng tác viên dân số

+ Tập huấn cho đội ngũ cán bộ làm công tác truyền thông về dân số về kỹ năng truyền thông số; khai thác dữ liệu và sử dụng nền tảng và công cụ số.

+ Tập huấn cho đội ngũ cán bộ làm công tác truyền thông về dân số cơ sở và cộng tác viên dân số về kỹ năng sản xuất nội dung số theo hướng đơn giản, thiết thực, dễ áp dụng, phù hợp với năng lực của đội ngũ làm công tác dân số tại thôn, bản, xã, chú trọng ưu tiên vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.

- Đào tạo về kỹ năng, nghiệp vụ sản xuất các sản phẩm truyền thông số.

- Kiểm tra, giám sát và hỗ trợ kỹ thuật.

4.3. Bảo đảm nguồn lực tài chính

Huy động đa dạng nguồn lực tài chính: Ngân sách nhà nước: kinh phí từ chương trình mục tiêu, các chương trình, dự án, đề án về dân số; Ngân sách xã hội hóa và các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

4.4. Hợp tác quốc tế

Huy động sự hỗ trợ kỹ thuật, tài chính của các chính phủ, tổ chức quốc tế, đẩy mạnh hợp tác về chuyên môn, kỹ thuật, đào tạo và hợp tác trao đổi chuyên gia, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và chuyển đổi số trong công tác truyền thông về dân số.

IV. Kinh phí thực hiện

1. Kinh phí thực hiện Đề án từ nguồn ngân sách nhà nước được bố trí trong dự toán hằng năm của các cơ quan, đơn vị và địa phương, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách nhà nước; từ các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Dự kiến tổng ngân sách thực hiện Đề án là 37.717 triệu đồng.

Trong đó:

- Ngân sách nhà nước:

+ Ngân sách Đề án: 22.327 triệu đồng.

+ Ngân sách lồng ghép từ Chương trình mục tiêu Quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026-2035: 15.390 triệu đồng.

- Nguồn ngân sách hợp pháp khác (nếu có).

V. Tổ chức thực hiện

1. Các đơn vị thuộc, trực thuộc Bộ Y tế

1.1. Cục Dân số: Là cơ quan đầu mối chủ trì tổ chức thực hiện Đề án; chủ trì về nội dung, chuyên môn nghiệp vụ truyền thông dân số; xây dựng tài liệu hướng dẫn chuyên môn, quy trình kỹ thuật; phối hợp với Trung tâm Thông tin Y tế Quốc gia và các đơn vị liên quan triển khai các nhiệm vụ về công nghệ, dữ liệu và nền tảng số thuộc phạm vi Đề án; tổng hợp dự toán ngân sách của các đơn vị triển khai đề án gửi Vụ Kế hoạch - Tài chính để tổng hợp, báo cáo Lãnh đạo Bộ Y tế; tổ chức hỗ trợ kỹ thuật cho các địa phương trong quá trình triển

khai Đề án nhằm bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ và hiệu quả; theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, tổng hợp và định kỳ báo cáo kết quả thực hiện Đề án.

1.2. Vụ Kế hoạch - Tài chính: Căn cứ dự toán do Cục Dân số đề xuất, tổng hợp chung vào dự toán của Bộ để trình cấp có thẩm quyền xem xét, bố trí kinh phí hằng năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

1.3. Cục Khoa học Công nghệ và Đào tạo: Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, phối hợp hướng dẫn triển khai các nhiệm vụ về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo; nghiên cứu, ứng dụng công nghệ mới và trí tuệ nhân tạo trong thực hiện Đề án.

1.4. Văn phòng Bộ Y tế: Chịu trách nhiệm quản lý và thực hiện các nội dung, sản phẩm truyền thông số về công tác dân số trên các nền tảng truyền thông y tế và Công thông tin của Bộ Y tế.

1.5. Trung tâm Thông tin Y tế Quốc gia: Chủ trì về kỹ thuật, dữ liệu và nền tảng số; phối hợp với Cục Dân số và các đơn vị liên quan xây dựng, triển khai các hệ thống, ứng dụng phục vụ Đề án; hướng dẫn về kiến trúc, tiêu chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn dữ liệu, kết nối, tích hợp và chia sẻ dữ liệu; bảo đảm hạ tầng kỹ thuật, vận hành, lưu trữ, sao lưu, an toàn thông tin, an ninh mạng theo quy định. Phối hợp xây dựng, vận hành thư viện số truyền thông về dân số; xây dựng, tích hợp ứng dụng tư vấn, truyền thông vào các nền tảng số phù hợp của Bộ Y tế; cung cấp công cụ kỹ thuật phục vụ giám sát, tổng hợp, phân tích dữ liệu và đo lường hiệu quả truyền thông số.

1.6. Trung tâm Truyền thông - Giáo dục sức khỏe Trung ương: Phối hợp với Cục Dân số triển khai các nhiệm vụ, giải pháp về nâng cao năng lực truyền thông và chuyển đổi số trong công tác truyền thông về dân số.

1.7. Báo Sức khỏe và Đời sống: Phối hợp với Cục Dân số tổ chức tuyên truyền về công tác dân số trên báo điện tử và các nền tảng số của Báo Sức khỏe và Đời sống.

1.8. Các Vụ, Cục, đơn vị có liên quan thuộc Bộ Y tế: Trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ phối hợp với Cục Dân số tổ chức, triển khai, thực hiện Đề án theo quy định của pháp luật.

2. Đề nghị các cơ quan ở Trung ương

2.1. Ban Tuyên giáo Trung ương phối hợp, chỉ đạo tuyên truyền, vận động về công tác dân số.

2.2. Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh phối hợp, hỗ trợ truyền thông, vận động, giáo dục về dân số trong hệ thống các trường chính trị.

2.3. Bộ Quốc phòng phối hợp, hỗ trợ tổ chức triển khai các hoạt động chuyển đổi số trong công tác truyền thông về dân số trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam, nhất là tại khu vực biên giới, hải đảo.

2.4. Bộ Công an phối hợp, hỗ trợ bảo đảm an toàn, an ninh trên không gian mạng; phối hợp với Bộ Y tế đưa học liệu lên nền tảng “Bình dân học vụ

số”, chuyển tải các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và kiến thức về dân số tới người dân để nâng cao nhận thức, hành vi về dân số.

2.5. Bộ Tài chính phối hợp, hỗ trợ cân đối và bố trí kinh phí để triển khai các hoạt động chuyển đổi số trong công tác truyền thông về dân số.

2.6. Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch phối hợp, hỗ trợ tuyên truyền về dân số và phát triển vào các chương trình văn hóa đại chúng.

2.7. Bộ Khoa học và Công nghệ phối hợp với Bộ Y tế và các Bộ, ngành liên quan đẩy mạnh chuyển đổi số công tác dân số và phát triển trong tình hình mới; phối hợp định hướng nghiên cứu, ứng dụng giải pháp kỹ thuật, công nghệ tiên tiến trong công tác dân số.

2.8. Bộ Giáo dục và Đào tạo phối hợp, hỗ trợ truyền thông về dân số trên các nền tảng số của ngành giáo dục; lồng ghép nội dung dân số và phát triển trong các hoạt động giáo dục phù hợp với từng cấp học, trình độ đào tạo; phối hợp tổ chức các hoạt động truyền thông, cuộc thi, diễn đàn dành cho học sinh, sinh viên trên nền tảng số.

2.9. Đài Truyền hình Việt Nam, Đài Tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam phối hợp, hỗ trợ triển khai các chiến dịch truyền thông trọng điểm về dân số và phát triển; tham gia đặt hàng sản xuất, phân phối các sản phẩm nội dung về công tác dân số trên đa nền tảng; tư vấn chuyên môn và đánh giá hiệu quả truyền thông trên cơ sở dữ liệu tổng hợp, bảo đảm đúng quy định của pháp luật.

2.10. Các bộ, cơ quan ngang bộ và ban ngành liên quan phối hợp, hỗ trợ tổ chức triển khai các hoạt động chuyển đổi số trong công tác truyền thông về dân số.

2.11. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội phối hợp, hỗ trợ tổ chức triển khai công tác tuyên truyền, vận động thực hiện chính sách dân số trên môi trường số.

3. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố

Phân công trách nhiệm của từng cơ quan, đơn vị trong việc tổ chức thực hiện Đề án; chỉ đạo Sở Y tế phối hợp với các Sở, ngành có liên quan và Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu lập kế hoạch, dự toán ngân sách phù hợp với đặc điểm của địa phương để triển khai thực hiện Đề án hiệu quả.

VI. Hiệu quả kinh tế - xã hội của Đề án

1. Việc triển khai Đề án sẽ góp phần đổi mới căn bản phương thức tổ chức và thực hiện công tác truyền thông về dân số theo hướng hiện đại, chuyên nghiệp, lấy người dân làm trung tâm, lấy dữ liệu và công nghệ số làm công cụ hỗ trợ nâng cao hiệu quả truyền thông. Đề án tạo nền tảng để hình thành hệ sinh thái truyền thông về dân số thống nhất từ Trung ương đến địa phương, bảo đảm tính đồng bộ về nội dung, thông điệp và phương thức triển khai, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước trong công tác dân số.

2. Về kinh tế, Đề án góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực và ngân sách nhà nước dành cho công tác truyền thông về dân số thông qua việc tăng cường

khai thác các nền tảng số, sử dụng cơ sở dữ liệu và đẩy mạnh chia sẻ tài nguyên truyền thông giữa các đơn vị. So với phương thức truyền thông truyền thống, truyền thông số cho phép mở rộng phạm vi tiếp cận với chi phí thấp hơn, giảm đáng kể chi phí in ấn, phát hành tài liệu, tổ chức các hoạt động trực tiếp quy mô lớn, đồng thời nâng cao khả năng theo dõi, đánh giá hiệu quả sử dụng kinh phí trên cơ sở các chỉ số đo lường cụ thể. Việc chuẩn hóa và tái sử dụng nội dung truyền thông trên nhiều nền tảng cũng giúp hạn chế tình trạng đầu tư trùng lặp, nâng cao hiệu quả khai thác các sản phẩm đã được xây dựng.

3. Về xã hội, Đề án góp phần nâng cao khả năng tiếp cận thông tin chính thống của người dân về dân số và phát triển, đáp ứng nhu cầu tiếp nhận thông tin ngày càng đa dạng trong môi trường số. Thông qua việc đổi mới nội dung, hình thức và phương thức truyền thông phù hợp với từng nhóm đối tượng, Đề án sẽ góp phần nâng cao nhận thức, thay đổi hành vi của người dân đối với các vấn đề dân số trọng tâm như sinh con và nuôi dạy con tốt, giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh, thích ứng với già hóa dân số và chăm sóc sức khỏe người cao tuổi, nâng cao chất lượng dân số.

4. Đề án sẽ góp phần đưa thông tin dân số đến đúng đối tượng, đúng thời điểm và phù hợp với nhu cầu của từng nhóm dân cư, từ đó nâng cao hiệu quả tác động của truyền thông đối với việc thay đổi nhận thức và hành vi.

5. Đề án không làm phát sinh bộ máy mới, ưu tiên tận dụng hạ tầng số, nền tảng số và các nguồn lực hiện có của Bộ Y tế, các cơ quan truyền thông và doanh nghiệp công nghệ, qua đó nâng cao hiệu quả đầu tư công, giảm chi phí vận hành và bảo đảm tính bền vững sau khi Đề án kết thúc./.